

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-PT

Ngày: 27-9-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị B Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/9/2022 và ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 114/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95A/2021/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Liên H sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hồ Quang T1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1952, địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người B vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T1, bà L: Luật sư Nguyễn Hữu B - Văn phòng Luật sư Nam Bộ Luật – thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 11/38A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H, Tây Bình Phước, địa chỉ: Quốc lộ 13, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Minh Tr – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh M – Chức vụ: Phó Giám đốc.

2. Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt)

3. Anh Đặng Quốc B, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Anh Hồ Quốc V, sinh năm 1982 (vắng mặt)
 5. Chị Hồ Thụy Bích T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
 6. Anh Hồ Quốc H, sinh năm 1986 (vắng mặt)
 7. Chị Hồ Thụy Bích Tr, sinh năm 1988 (vắng mặt)
 8. Anh Hồ Quốc C, sinh năm 1990 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hồ Quang T1, bà Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Liên H trình bày:

Gia đình bà có 02 thửa đất cùng tọa lạc tại tổ 2, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước, cụ thể:

+ Thửa đất số 418, tờ bản đồ số 22 có diện tích 280,7m² được Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 28/7/2017, cấp cho hộ ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Liên H, có nguồn gốc mua của hộ ông Hồ Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim L. Thửa đất có chiều rộng 10,1m, chiều dài hết đất, phía sau đất rộng 10,7m. Năm 2018, bà tách thửa đất làm 2 phần chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Thanh diện tích chiều ngang 5,07, phía sau đất rộng 5,2m; chiều dài hết đất. Phần đất còn lại thuộc thửa đất số 481 có diện tích 280,7m², trong đó bề ngang 5,03m, chiều dài hết đất, chiều rộng phía sau là 5,5m.

+ Thửa đất số 467, tờ bản đồ số 22, diện tích 3478,9m² do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 29/01/2019 cho hộ bà Nguyễn Ngọc Liên H và ông Đặng Thanh T.

Cả hai thửa đất này đều tiếp giáp với thửa đất số 305, tờ bản đồ số 22, của hộ ông Hồ Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim L. Sau khi tiến hành kiểm tra lại thì quá trình sử dụng đất hộ ông Hồ Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim L đã lấn chiếm qua phần đất của gia đình bà, cụ thể:

Tại thửa đất số 418, tờ bản đồ số 22: bà L- ông T1 sử dụng di dời hàng rào lấn sang nhà 3,1m².

Tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 22: Bà L- ông T1 đang sử dụng 6,8m² thuộc quyền sử dụng đất của gia đình bà.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà đã hợp đồng với Công ty đo đạc T1 Thành và thống nhất với kết quả đo đạc về diện tích đất tranh chấp như bà đã trình bày.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu hộ ông T1, bà L trả lại diện tích 3,1m² đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 22 và 6,8m² đối với thửa đất số 467, tờ bản đồ số 22 theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Bị đơn ông Hà Quang T1, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Đối với thửa đất số 305, tờ bản đồ số 22: Nguồn gốc trước đây vợ chồng ông, bà có khai phá được một thửa đất có diện tích bao nhiêu thì ông bà không nhớ rõ, nhưng sau đó ông bà tách dần thửa đất bán cho một số người trong đó có hộ ông Đặng Thanh T là chồng bà H. Phần đất còn lại đến nay là thửa đất số 305, tờ bản đồ số 22 có diện

tích 946,3m² do UBND huyện H cấp năm 2019. Ông, bà đã sử dụng đúng diện tích đất được cấp. Năm 2020, ông bà rào lại hàng rào phía đuôi đất để nuôi gà thì bà H cho rằng của bà H nên mới phát sinh ra tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về thửa đất số 418, tờ bản đồ số 22: Ông, bà khẳng định chỉ chuyển nhượng cho anh Đặng Thanh T diện tích 5m ngang, chiều dài hết đất. Tuy nhiên, sau khi ông, bà được xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 22 của hộ bà Nguyễn Ngọc Liên H có chiều ngang 5,5m là không đúng.

Đối với cả hai thửa đất số 418 và thửa đất số 467, tờ bản đồ số 22: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông bà không được ký giáp ranh, nếu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của hộ bà Nguyễn Ngọc Liên H có thể hiện chữ ký của vợ chồng ông, bà thì ông bà đề nghị Tòa án giám định chữ ký của ông, bà và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau các buổi hòa giải, ông T1, bà L và các thành viên trong gia đình không lên Tòa án làm việc và xin hoãn giám định chữ ký với lý do dịch bệnh Covid, mặc dù đã làm đơn yêu cầu giám định, cung cấp cho Tòa án các mẫu chữ ký, các chứng cứ thu thập để giám định chữ ký kèm theo đề nghị Tòa án không giám định, mặt khác có một số người con của ông, bà ở Thành phố Hồ Chí Minh không về để làm việc được. Tuy nhiên, theo ông T1, bà L thì các con của ông bà đều thống nhất với ý kiến của ông, bà và không có yêu cầu gì khác. Ngoài lời trình bày không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, ông, bà không cung cấp thêm các chứng cứ khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện H, Tây Bình Phước (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày ý kiến tại văn bản ngày 17/9/2021 như sau:

Ngày 19/01/2021 hộ bà Nguyễn Thị Kim L có vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn số 5616LAV 202100186, với số tiền vay là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 24 tháng, có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 887495 cấp ngày 10/01/2019, diện tích 946,3m². Hiện tại vẫn dư nợ Ngân hàng. Nay trường hợp các bên tranh chấp đất do nguyên đơn khởi kiện vì hộ bà L lấn đất, giả sử Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không ảnh hưởng đến diện tích đất đã thế chấp nên Ngân hàng xin không tham gia tố tụng và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thanh T, anh Đặng Quốc B trình bày: Ông T là chồng của bà Nguyễn Ngọc Liên H, anh B là con của ông T, bà H. Ông T, anh B thống nhất với toàn bộ ý kiến của bà Nguyễn Ngọc Liên H, không thay đổi hay bổ sung gì thêm và ông T, anh B xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Quốc V, anh Hồ Quốc H, anh Hồ Quốc C, Hồ Thị Bích Tr trình bày: Là con của ông Hồ Quang T1 và bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông qua ông T1, bà L hoặc anh Hồ Quốc Việt để lên Tòa án làm việc, lấy lời khai, hòa giải nhưng không có mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên Tòa các anh chị đều vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Liên H về tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1.

2. Buộc hộ bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 phải tháo dỡ 18.86m lưới B40 trả lại diện tích đất 3.1 m², thuộc thửa đất 418, tờ bản đồ số 22, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 868284, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/7/2017 cho hộ ông Đặng Thanh T, bà Nguyễn Ngọc Liên H.

3. Buộc hộ bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 phải tháo dỡ 4.93m lưới B40 trả lại diện tích đất 6.8 m², thuộc thửa đất 467, tờ bản đồ số 22, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CP 389488, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước. Do UBND huyện H, Bình Phước cấp ngày 29/01/2019 cho hộ ông Đặng Thanh T, bà Nguyễn Ngọc Liên H.

(Chi tiết về vị trí, tứ cận đất, chiều dài, rộng và ranh giới được bàn giao theo sơ đồ đo đạc ngày 09/12/2020 của Công ty đo đạc bản đồ T1 Thành kèm theo bản án)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/10/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của Hồ Quang T1, Nguyễn Thị Kim L trong các tài liệu, chứng cứ: Đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 20/4/2006; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2006 giữa bà Nguyễn Thị Kim L với ông Đặng Thanh T; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) ngày 05/5/2006; Hợp đồng ủy quyền đại diện về việc chuyển quyền sử dụng đất ngày 20/4/2006 được công chứng chứng thực ngày 30/5/2006; hủy bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Liên H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện
- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 giữ nguyên kháng cáo.

- Người B vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L ông T1 là Luật sư Nguyễn Hữu B đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, do phần đất tranh chấp 6,8m² có một cạnh giáp phần đất bà L ông T1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị M nhưng mảnh trích đo địa chính mà Tòa án cấp sơ thẩm làm căn cứ giải quyết vụ án lại thể hiện cạnh này giáp thửa 193 (thửa cũ khi bà L ông T1 chưa chuyển nhượng cho bà M) là không chính xác; Trích đo không có thẩm định của cơ quan chuyên môn theo quy định tại **Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014** của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; không đưa bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, giao hồ sơ về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các vi phạm đó là:

- + Bản đồ đo đạc chưa có kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn.
- + Bà L, ông T1 cho rằng hồ sơ chuyển nhượng đất giữa các bên là giả mạo nhưng chưa được làm rõ.
- + Bà L, ông T1 cho rằng HĐCN QSDĐ với chị Hương là không đúng nhưng lại không yêu cầu phản tố dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để.
- + Trong vụ án các bên vừa tranh chấp đất, vừa tranh chấp HĐCN nhưng Tòa sơ thẩm không đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Hồ Quang T1 được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại Tòa, các bên đương sự đều xác nhận các bên đang tranh chấp về ranh giới giữa 02 (hai) thửa đất số 418, 467 của nguyên đơn với thửa đất 305 (được tách từ thửa 193 cũ) của bị đơn cùng tọa lạc tại tổ 2, ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nguyên nhân dẫn đến sự tranh chấp là phía ông T1, bà L làm lại hàng rào bằng lưới B40, còn bà H căn cứ vào ranh giới được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho rằng bà L-ông T1 đã chiếm một phần hàng rào lấn sang đất của vợ chồng bà.

[2.1] Hội đồng xét xử xét:

Về phần đất tranh chấp 6,8m²: Bản đồ đo đạc (hay Trích đo địa chính) đất tranh chấp là chứng cứ quan trọng để xác định vị trí đất tranh chấp, làm căn cứ để thi hành án sau này. Nhưng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 12/12/2008, bà L-ông T1 được UBND huyện Bình Long cấp GCNQSDĐ số H-00493 với diện tích 1221,7m² thuộc thửa 193, tờ bản đồ số 22 (bút lục 100), đến ngày 23/12/2010 bà L-ông T1 chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa 193 cho bà Nguyễn Thị M và được tách thửa 193 thành 02 thửa, gồm: thửa số 304 với diện tích 275,4m² (thửa này tách chuyển nhượng cho bà M - **bút**

lục 103, 82, 87) và thửa 305 với diện tích 946,3m² bà L-ông T1 đang sử dụng (bút lục 94). Tuy nhiên, theo Trích đo địa chính do Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ T1 Thành lập ngày 09/12/2020 mà Tòa án sơ thẩm sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án thì phần đất 6,8m² mà nguyên đơn đang tranh chấp lại thể hiện cạnh phía đông giáp thửa 193 dài 4,86m (thửa 193 là thửa đất cũ của bà L-ông T1 khi chưa tách chuyển nhượng cho bà M). Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn cũng đều khẳng định cạnh phía đông của phần đất tranh chấp 6,8m² này hiện đang giáp đất của bà M chứ không giáp đất của bà L-ông T1. Như vậy, kết quả đo đạc đã không thể hiện đúng vị trí giáp ranh của đất tranh chấp, trích đo do đơn vị đo đạc độc lập lập nhưng chưa được sự phê duyệt của cơ quan chuyên môn, nếu sử dụng bản đồ này để giải quyết vụ án thì việc xác định tứ cận đất tranh chấp sẽ không chính xác, dẫn đến bản án không thể thi hành khi có hiệu lực pháp luật.

Về phần đất tranh chấp 3,1m²: diện tích đất thuộc các thửa đất số 418 và 184 đều có nguồn gốc ban đầu là của bà L- ông T1. bà H-ông T cho rằng trước đây ông bà nhận chuyển nhượng của bà L-ông T1 5m chiều ngang mặt tiền, 5,5m chiều ngang mặt hậu; do bà L-ông T1 cũng chuyển nhượng miếng cho ông Thanh một phần đất giáp ranh nhưng phần đất này ông Thanh đã chuyển nhượng lại cho bà H-ông T. Nên, khi bà H-ông T làm thủ tục sang tên thì các bên thống nhất làm bằng hợp đồng chuyển nhượng từ ông bà L- T1 sang cho vợ chồng bà H luôn cả 02 phần đất mà bà L-ông T1 đã chuyển nhượng trên. Còn bà L-ông T1 thì cho rằng ông bà chỉ thỏa thuận chuyển nhượng cho ông bà H-T 5m đầu, 5m cuối đất. Ông bà thừa nhận có chuyển nhượng cho ông Thanh phần đất giáp ranh nhưng cho rằng ông bà không ký hợp đồng chuyển nhượng nào cho ông bà H-T đối với cả phần đất đã chuyển nhượng cho ông bà H-T và phần đất đã chuyển nhượng cho ông Thanh như phía bà H trình bày. Do vậy, việc bà H kiện yêu cầu trả 3,1m² thuộc thửa đất số 418 là không đúng vì trước đây ông bà không chuyển nhượng cho bà H-ông T cho bà H- ông T theo diện tích mà bà H-ông T đã được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, lấy lời khai, cho các bên đối chất để làm rõ diện tích đất mà bà H-ông T đã nhận chuyển nhượng của bà L-ông T1 là phần đất nào, diện tích cụ thể ra sao? Có hay không việc giữa bà L-ông T1 và bà H-ông T với ông Thanh thỏa thuận việc làm hợp đồng chuyển nhượng bằng từ bà L-ông T1 sang cho bà H-ông T cả 02 diện tích đất bà L-ông T1 đã chuyển nhượng bà H và chuyển nhượng cho ông Thanh (sau đó ông Thanh chuyển nhượng lại cho bà H-ông T) như bà H-ông T trình bày? Làm rõ trình tự, thủ tục thực hiện việc sang tên, cấp GCNQSDĐ cho bà H-ông T đối với diện tích 473m² theo GCNQSDĐ số AE 516126 do UBND huyện Bình Long cấp cho ông Đặng Thanh T ngày 19/7/2006 (BL 124). Việc xác định đúng phần đất mà bà H-ông T đã nhận chuyển nhượng của bà L-ông T1 là cần thiết, bởi lẽ xác định được phần đất này thì mới có thể làm cơ sở xác định yêu cầu được trả phần đất 3,1m² của bà H là có căn cứ hay không có căn cứ.

Bên cạnh đó, do phía bị đơn không thừa nhận đã ký trong các văn bản, giấy tờ liên quan trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà H-ông T nên cũng cần đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan, do UBND huyện Bình Long (cũ) nay là huyện H là cơ quan quản lý đất đai đã thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho bà H-ông T đối với đất trong đó có phần đất tranh chấp.

Những thiếu sót trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục ngay tại phiên tòa được. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung nên kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Được xem xét, giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 được chấp nhận nên bà L ông T1 không phải chịu.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và quan điểm của người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về đề nghị hủy án sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H; giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được Tòa án xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Hồ Quang T1 không phải chịu. Chi cục thi hành án huyện H hoàn trả cho bà L, ông T1 số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013523, ngày 08/10/2021.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**